

Số: /KH-STTTT-BCVTCNTT

Trà Vinh, ngày tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Duy trì, nâng cao và khắc phục những hạn chế các tiêu chí thuộc chỉ số thứ 7 - Hiện đại hóa nền hành chính của Chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR Index) và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh (Chỉ số PAPI) năm 2022 và những năm tiếp theo

Thực hiện Công văn số 3152/UBND-NC ngày 27/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khắc phục những hạn chế, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3131/UBND-NC ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khắc phục những hạn chế và nâng cao thứ hạng Chỉ số PAR Index; Chỉ số SIPAS năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. KHÁI QUÁT CHỈ SỐ HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH, QUẢN TRỊ ĐIỆN TỬ

Sở Thông tin và Truyền thông được phân công phụ trách Chỉ số Hiện đại hóa nền hành chính thuộc Chỉ số PAR Index và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc Chỉ số PAPI.

1. Về Hiện đại hóa hành chính: Hiện đại hóa hành chính gồm 05 tiêu chí và 22 tiêu chí thành phần, tổng điểm phụ trách là 15/100 điểm, trong đó điểm khảo sát là 04/15 điểm.

- Kết quả năm 2021 đạt 12,69/15 điểm cao hơn 0,33 điểm so với năm 2020; trong đó: có 9,58/11 điểm kết quả tự chấm và 3,11/4 điểm qua điều tra khảo sát. Lĩnh vực này có 14 tiêu chí thành phần đạt điểm tối đa, có 03 tiêu chí thành phần không đạt điểm tối đa.

Các tiêu chí không đạt điểm tối đa; nguyên nhân:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: Tiêu chí thành phần này đạt 0,6714 điểm (điểm tối đa: 1 điểm). Tuy nhiên, tiêu chí thành phần này tăng 0,04 điểm so với năm 2020. Tỷ lệ không đạt so với quy định (quy định tất cả).

* Nguyên nhân: Các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát chuẩn hóa, đánh giá, xác định các quy định thủ tục hành chính chưa phù hợp với thực hiện dịch vụ công trên môi trường điện tử.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ: Tiêu chí thành phần này đạt 0,1572 điểm (điểm tối đa: 0,5 điểm); giảm 0,09 điểm so với năm 2020. Tỷ lệ không đạt so với quy định (quy định từ 50% trở lên).

* Nguyên nhân: Các cơ quan đơn vị đã thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, tuy nhiên do nhu cầu của người dân chỉ lựa chọn một số thủ tục hành chính để nộp hồ sơ.

- Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/tra kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: Tiêu chí thành phần này 0 điểm (điểm tối đa: 0,25 điểm). Không đạt tỷ lệ phát sinh hồ sơ theo quy định (quy định từ 50% trở lên)

* Nguyên nhân: Người dân, doanh nghiệp không có nhu cầu thực hiện TTHC đối với các TTHC được triển khai qua BCCI hoặc lựa chọn hình thức nộp/nhận kết quả trực tiếp hoặc trực tuyến.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đạt được, cũng như khắc phục những hạn chế, yếu điểm, phối hợp thực hiện nâng cao chỉ số thứ 7 Hiện đại hóa nền hành chính thuộc chỉ số cải cách hành chính (Chỉ số PAR Index) và Chỉ số thứ 8 Quản trị điện tử thuộc chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh (Chỉ số PAPI) năm 2022 và những năm tiếp theo.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thực thi công vụ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút tốt đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Người đứng đầu phải gương mẫu, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ động đề xuất giải pháp đảm bảo hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân, đơn vị và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu thực hiện hoàn thành đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng cuối quý) và hàng năm (trước ngày 30 tháng 11) hoặc đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị kiểm tra việc duy trì cải tiến việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO

9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh

Thường xuyên rà soát, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức cung cấp, cập nhật thông tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần liên tục, đầy đủ đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

4.1 Giao Trung tâm CNTT và Truyền thông

Đảm bảo vận hành hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, dịch vụ tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn thông tin phục vụ cơ quan nhà nước các cấp.

Tham mưu Ban Giám đốc phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh vận hành, nâng cấp, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn an ninh thông tin.

4.2 Giao Phòng Bưu chính, Viễn thông - Công nghệ thông tin

Chủ trì tham mưu Ban Giám đốc Sở theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị báo cáo Sở Nội vụ theo quy định.

Làm đầu mối hỗ trợ các cơ quan đơn vị tổ chức sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; theo dõi, kiểm tra, tham mưu Ban Giám đốc Sở nhắc nhở các cơ quan đơn vị trong quá trình áp dụng.

4.3. Giao Phòng Thông tin - Báo chí - Xuất bản

Tham mưu lãnh đạo Sở chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh năm 2021 và những năm tiếp theo.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Các sở ngành tỉnh, UBND các huyện, thị, thành phố (p/h);
- BGĐ Sở;
- Lãnh đạo các phòng, trung tâm thuộc Sở;
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, BCVTCNTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Này

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ khắc phục những hạn chế, yếu điểm và phối hợp thực hiện tiêu chí số 7 (hiện đại hóa nền hành chính) thuộc Chỉ số PAR Index

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STTTT-BCVTCNTT ngày tháng 9 năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh			
1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh			
	Tiếp tục tổ chức triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 7/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh phiên bản 2.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
1.2	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)			
	Tiếp tục rà soát, nâng cấp, vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các ứng dụng, dịch vụ CNTT của tỉnh với nhau và với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP); phối hợp thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Công dịch vụ công tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin của bộ, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
1.3	Tiếp tục tổ chức thực hiện trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước, xử lý văn bản, hồ sơ công việc bằng hình thức điện tử			
a	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống iOffice đáp ứng yêu cầu thực hiện Công tác văn thư theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử tại Lưu trữ cơ quan theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo 100% các sở, ban, ngành, 100% UBND cấp huyện, 100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	cấp xã phải được kết nối, trao đổi văn bản với nhau; liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia			
b	Rà soát, tổ chức sử dụng đồng bộ sử dụng hệ thống VNPT iOffice thực hiện công tác văn thư (soạn thảo, ký ban hành văn bản; quản lý văn bản; lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan,...) theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; đảm bảo tất cả cán bộ, công chức, viên chức có liên quan trong quy trình giải quyết công việc phải thực hiện trên VNPT iOffice; thực hiện ký số văn bản theo quy định đảm bảo tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 60% trở lên (đối với Sở ngành tỉnh), từ 30% trở lên (đối với UBND cấp huyện).	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
1.4	Vận hành Hệ thống Công dịch vụ công của tỉnh (hoặc hệ thống thông tin một cửa chuyên ngành), cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
a	Tiếp tục rà soát vận hành, nâng cấp, hoàn thiện chức năng Cổng dịch vụ công của tỉnh -iGate (hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020 ngày 08/4/2020 của Chính phủ; đáp ứng các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị vận hành hệ thống thông tin chuyên ngành	Các cơ quan có liên quan	Thường xuyên
b	Rà soát, nâng cấp hệ thống thông tin chuyên ngành đảm bảo kết	Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	nội, tích hợp với Hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.			
c	Rà soát, tổ chức sử dụng đồng bộ iGate (hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020 ngày 08/4/2020 của Chính phủ; đảm bảo 100% hồ sơ thủ tục được thực hiện trên phân hệ một cửa điện tử của Cổng dịch vụ công hoặc hệ thống một cửa chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
d	Rà soát, lựa chọn các dịch vụ công được người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thường xuyên để tổ chức cung cấp mức độ 3,4 đảm bảo trên 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
đ	Chỉ đạo cán bộ công chức tại Bộ phận một cửa hướng dẫn người dân tạo tài khoản (nếu người dân chưa có tài khoản), hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
e	Có chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến; triển khai các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến, khai thác kho quản lý dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	khi thực hiện TTHC đảm bảo trên 20% số hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và trực tiếp)			
1.5	Tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh với Cổng DVC quốc gia			
a	Rà soát, công khai tích hợp đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 lên cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3,4 của tỉnh được tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022 và các quy định khác của bộ, ngành.	Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các cấp	Thường xuyên
b	Rà soát tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; hoàn thiện quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính làm cơ sở cập nhật triển khai thực hiện thủ tục hành chính điện tử trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh			
a	Rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; đảm bảo 100% các chế độ báo cáo của UBND tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
b	Tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ qua hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	cơ quan nhà nước			
2	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Công khai TTHC được thực hiện qua dịch vụ BCCI, tổ chức tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp biết sử dụng dịch vụ BCCI khi thực hiện TTHC đảm bảo từ 50% TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện đảm bảo từ 5% số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận; trên 20% số hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả; đảm bảo từ 50% trở lên có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các cấp	Bưu điện tỉnh	Thường xuyên
3	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định			
3.1	Thực hiện công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 hoặc 9001:2015 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, đảm bảo 100% số CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện phải được công bố áp dụng	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
3.2	Tổ chức các lớp đào tạo duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hằng năm
3.3	Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện tại các cơ quan, đơn vị áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015		ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	
4	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính			
4.1	Tính kịp thời và đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh			
	Tổ chức cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương mình đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước, trong đó đặc biệt quan tâm cung cấp đầy đủ các thông tin sau: Các chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, ngành, địa phương; các luật, pháp lệnh, quyết định của Trung ương; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành; các văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh, huyện; các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới; các dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu mua sắm công; các kế hoạch đầu tư công; các bản đồ và các quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và các vùng nguyên vật liệu của địa phương; các chính sách ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh, huyện. Các mẫu biểu, hướng dẫn TTHC của các cơ quan Nhà nước; công báo đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh...	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4.2	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh			
	Rà soát, nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh, xây dựng, bổ sung các chuyên trang, chuyên mục cập nhật thông tin, tương tác với người dân và doanh nghiệp như: “Hỏi - Đáp”, “Thuế và	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	cuộc sống”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Phổ biến, giáo dục pháp luật”, “Lịch tiếp công dân”, “Lấy ý kiến nhân dân”... và các nội dung đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước...			
	Vận hành, nâng cấp, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn an ninh thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4.3	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO			
	Thực hiện duy trì, cải tiến áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho 165 cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Hàng năm

PHỤ LỤC**Phân công nhiệm vụ khắc phục những hạn chế, yếu điểm và phối hợp thực hiện tiêu chí số 8
(Quản trị điện tử) thuộc Chỉ số PAPI***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-STTTT-BCVTCNTT ngày tháng 8 năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Sử dụng công thông tin điện tử của chính quyền địa phương			
1.1	Nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, ngành, địa phương gắn với công tác thông tin tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khai thác, sử dụng hiệu quả	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
1.2	Tổ chức cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương mình đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương			
2.1	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền vận động người dân sử dụng INTERNET để tra cứu thông tin, cập nhật các tin tức trong nước, trong tỉnh, nhất là thông tin về TTHC, trong đó có việc giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các cấp	Thường xuyên
2.2	Nghiên cứu, xây dựng các chính sách khuyến khích tổ chức và người dân tăng cường sử dụng dịch vụ truy nhập băng rộng cố định, di động; chính sách khuyến khích thuê bao đang sử dụng điện thoại 2G chuyển đổi sang sử dụng điện	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	thoại thông minh			
3	Phúc đáp qua Cổng thông tin điện tử			
3.1	Duy trì chuyên mục Hỏi – đáp trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh/Cổng thông tin thành phần; thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình tiếp nhận phản ánh kiến nghị và phúc đáp kịp thời cho người dân doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	
3.2	Tích hợp hệ thống phản ánh kiến nghị với Cổng Thông tin điện tử tỉnh để công khai, phúc đáp thông tin phản ánh kiến nghị của người dân doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	